

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 11 năm 2017
V/v “Tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Nam.

Bà Cao Thị Ngọc Đạo.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX - ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T; có mặt.

Địa chỉ: Xóm B, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông L; xin xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm B, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L quen biết, tổ chức đám cưới và về sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung ông L thường xuyên uống rượu, cãi vã với bà và đánh bà nhiều lần; ông L đập phá tài sản trong nhà. Từ năm 2011, bà không chịu đựng được sự bạo lực của ông L nên không sống chung với nhau được. Cũng từ năm 2011 đến nay, bà với ông L không quan tâm gì nhau nữa, phần ai tự lo người đó không quan tâm đến nhau. Nay bà thấy tình cảm giữa bà với ông L không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L trong quá trình chung sống với nhau có hai người con chung là M, sinh ngày 11/11/1996 hiện đang đi nghĩa vụ quân sự đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N, sinh ngày 24/4/2005 hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà xin nhận nuôi cháu N và không yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà với ông L không nợ ai, không có ai nợ bà và ông L.

Tại bản ghi lời trình bày của đương sự và xin xét xử vắng mặt ngày 09 tháng 10 năm 2017 của bị đơn ông L trình bày:

Ông và Bà T về sống chung với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Từ khi về sống chung không hạnh phúc do không hợp tính nhau, thường cãi vã, đôi khi còn xô xát nhau nên không sống được. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau có hai người con chung là M, sinh ngày 11/11/1996 hiện đang đi nghĩa vụ quân sự đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu N, sinh ngày 24/4/2005 hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn nguyện vọng cháu N muốn ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T và ông L sống chung với nhau từ năm 1994 không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống bà T, ông L phát sinh mâu thuẫn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “Nam và nữ chung sống từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Do đó, bà T xin ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận, vì bà T và ông L không phải là vợ chồng theo quy định tại Điều 11, Điều 14, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Đối với cháu N, sinh ngày 24/4/2005 hiện đang sống với mẹ là bà T. Xét nguyện vọng của cháu N muốn được sống với mẹ, nên giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét việc nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha và mẹ, những bà T không yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N, nên không xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông L đã tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về nợ chung: Bà L và ông L không có nợ chung, nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng pháp luật: Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 và Điều 16, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không công nhận quá trình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa bà T với ông L là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu N, sinh ngày 24/4/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000671 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông L.

Nơi nhân:

- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Nghĩa

